CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Hải Minh

Ngày 31/12/2024	14,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.2%	**6.0%**	**11.8%**

DT thuần
Q4/24
29.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.30| 4.5%
YoY: ▲ 9.40| 46.4%

LN thuần
Q4/24
2.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.5| -82.8%
YoY: ▲ 2.68| 547%

LN sau thuế
Q4/24
1.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.45| -84.3%
YoY: ▲ 2.48| 340%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
19.3%
YoY: +/-▲ 11.6%

ROE
2024
8.6%
YoY: +/-▲ 6.6%

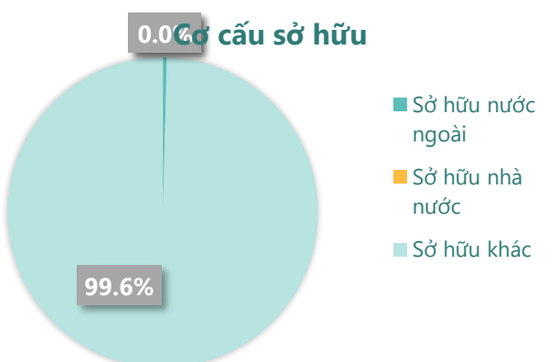
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,600 - 16,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
Số lượng CPLH (CP)	12,847,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,330
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.13)
EPS	1,402
P/E	10.1

DT thuần
2024
108
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.6| 34.2%

LN thuần
2024
20.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.8| 1294%

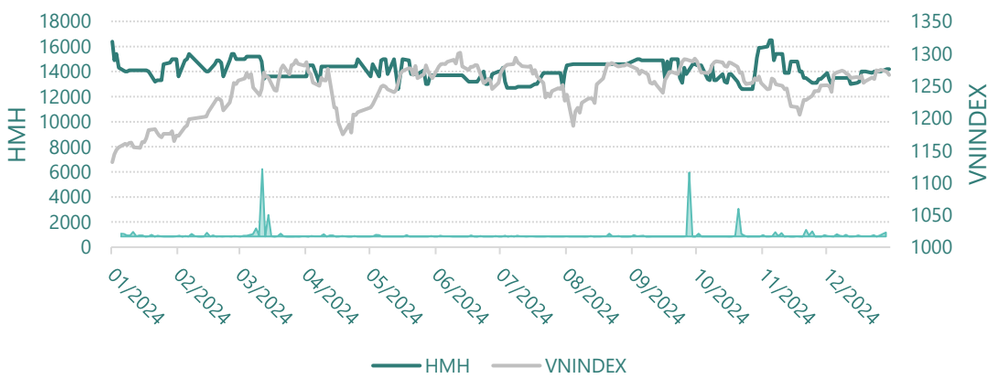
LN sau thuế
2024
18.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.2| 361%

Cơ cấu sở hữu

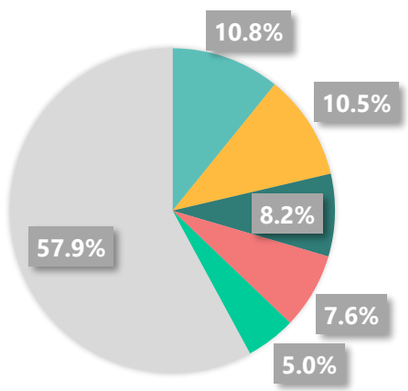


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



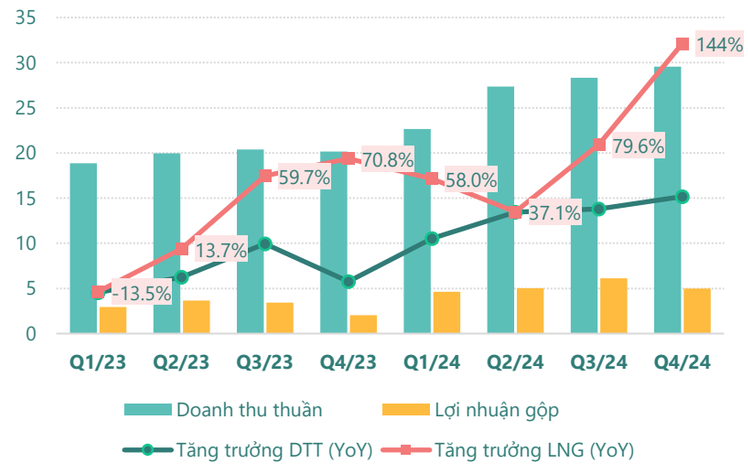
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

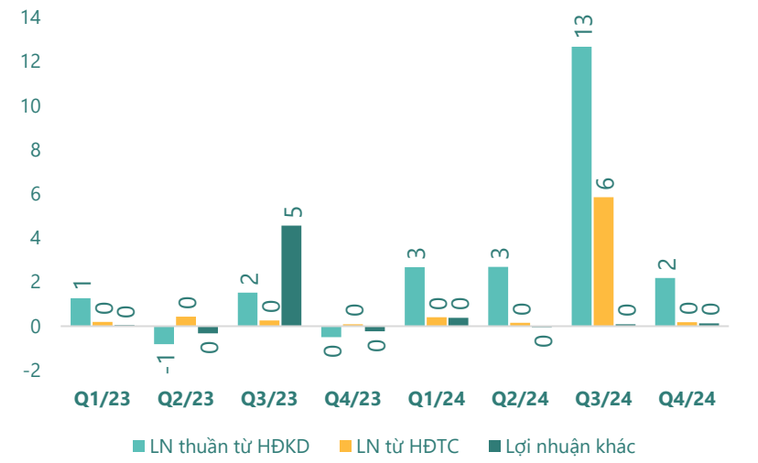
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



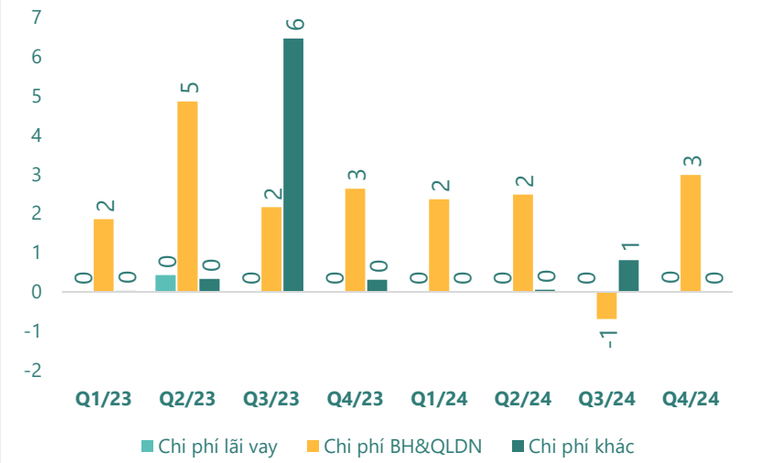
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



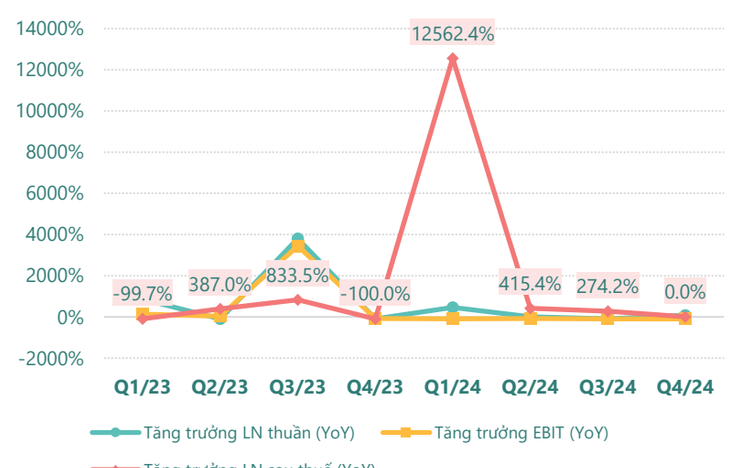
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



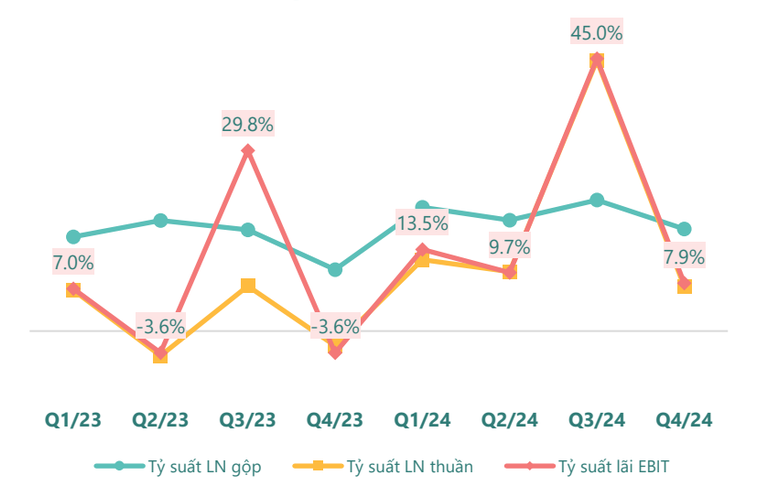
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



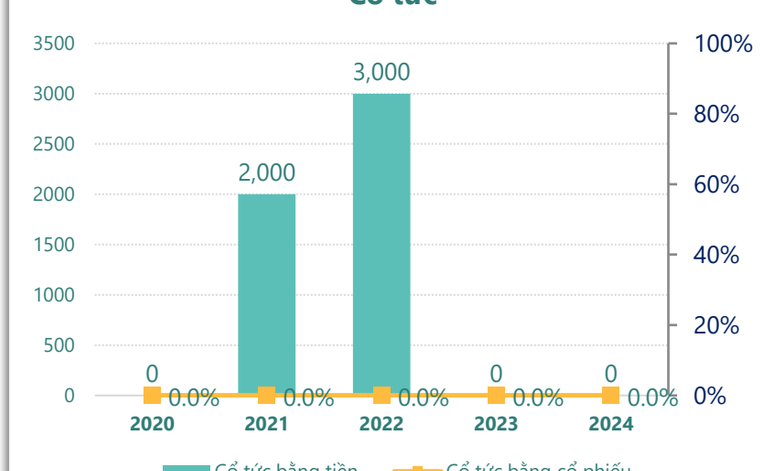
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

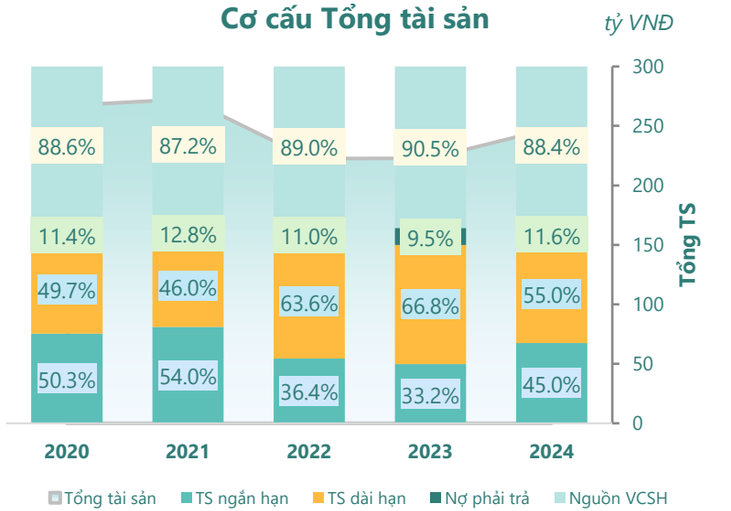
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

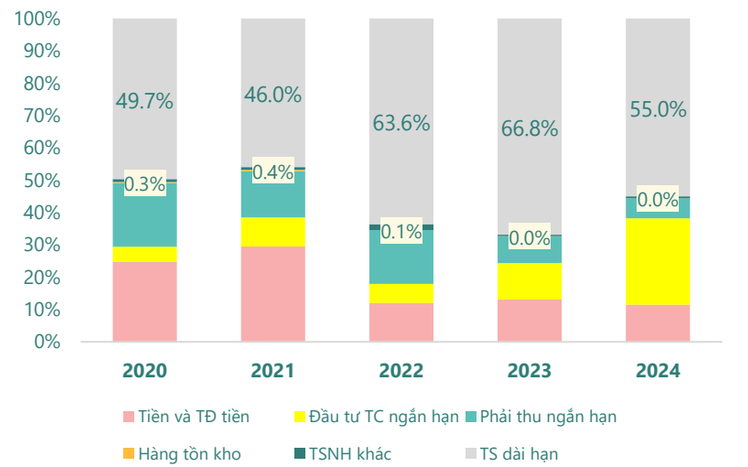
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



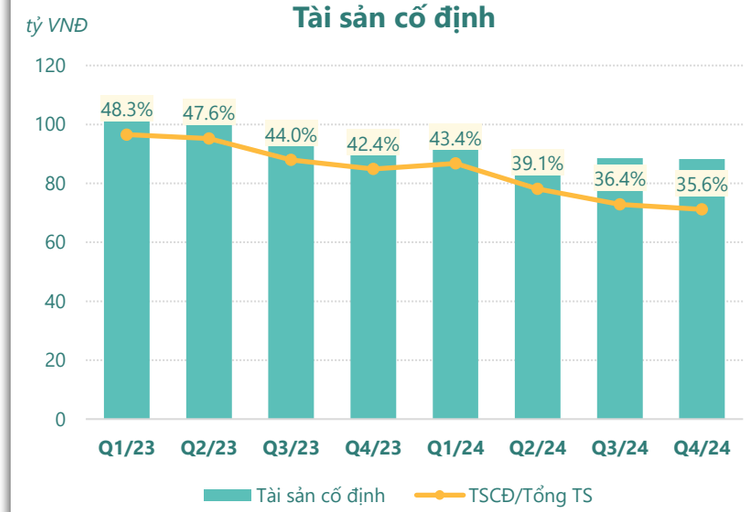
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



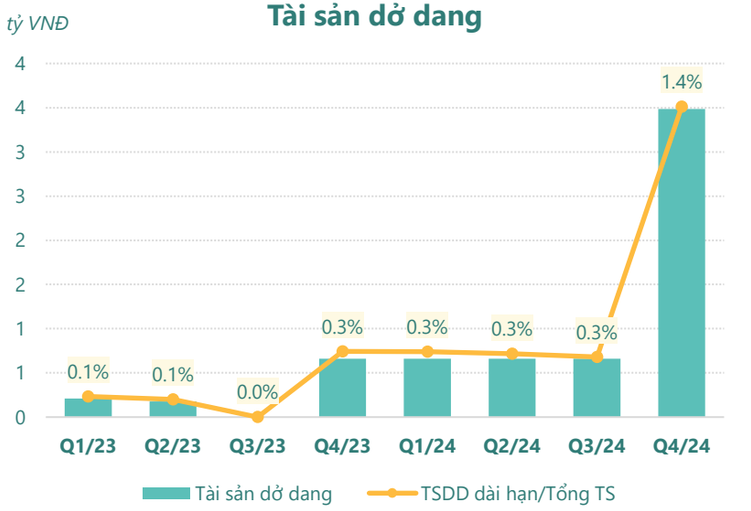
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



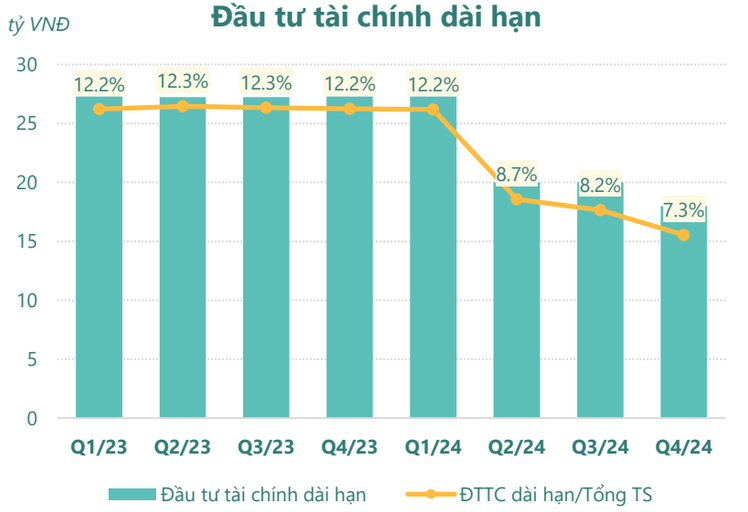
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



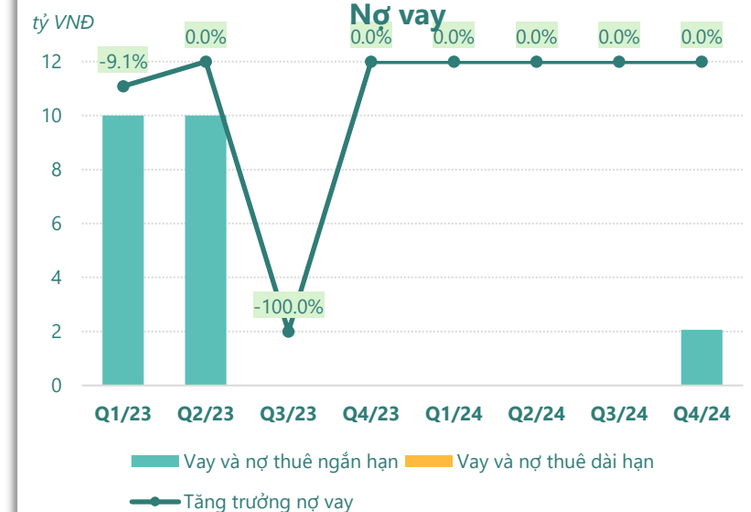
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

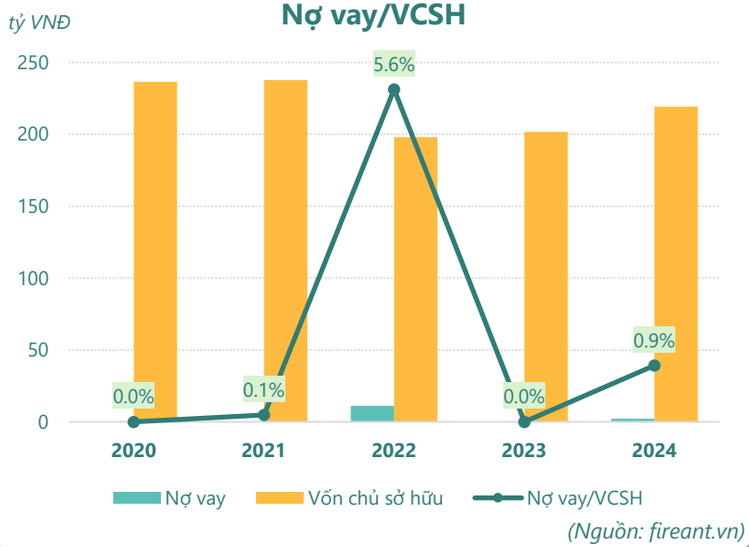
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

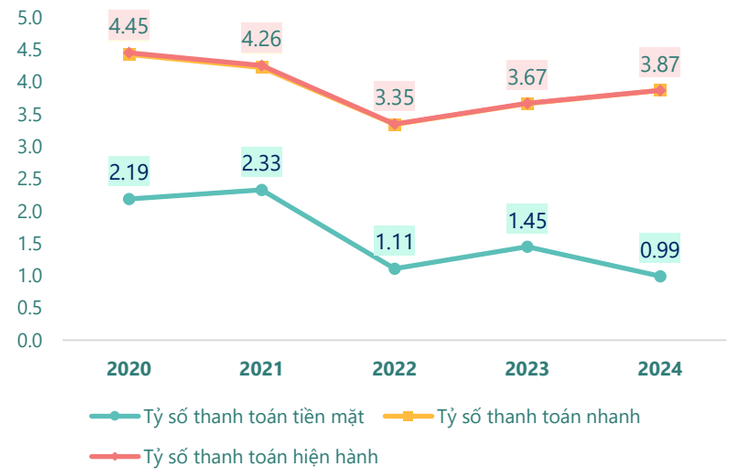
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



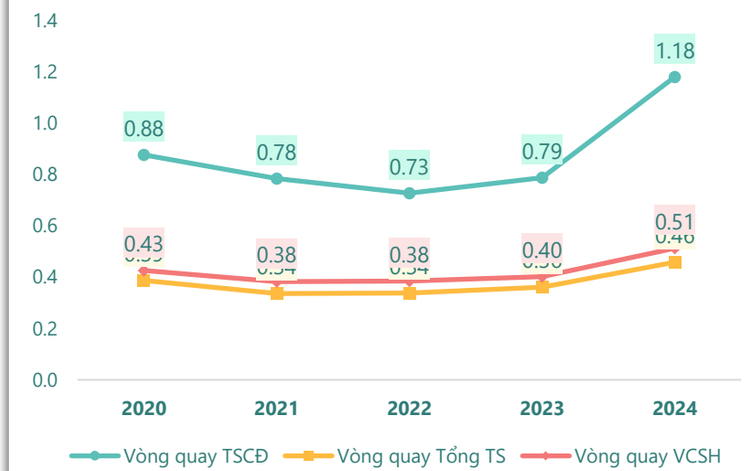
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



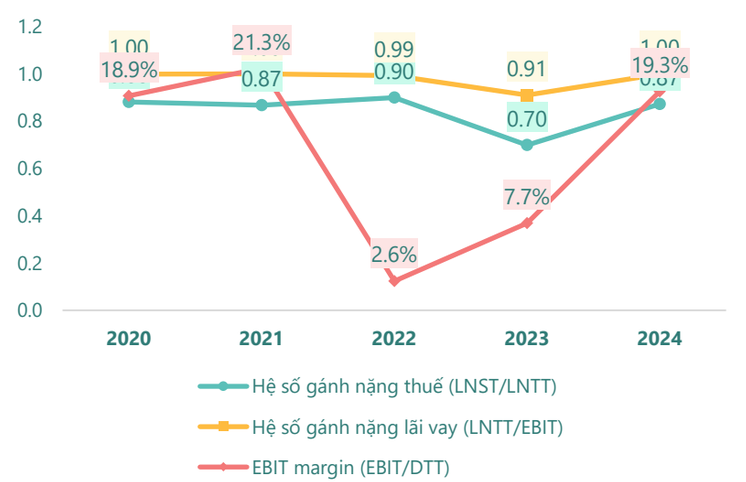
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



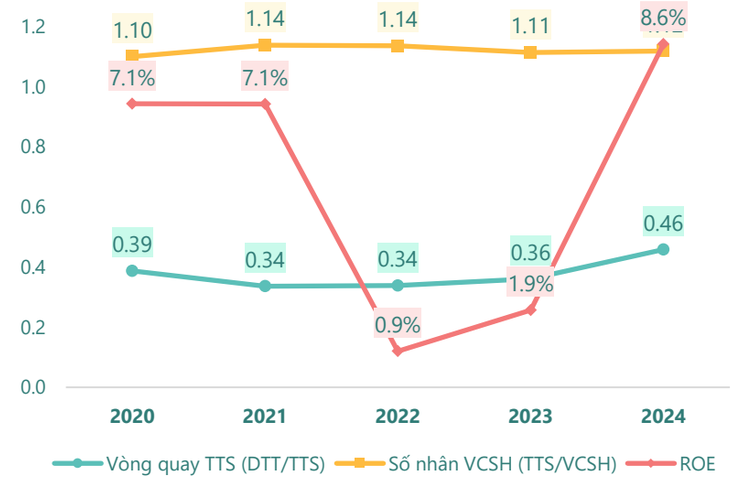
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



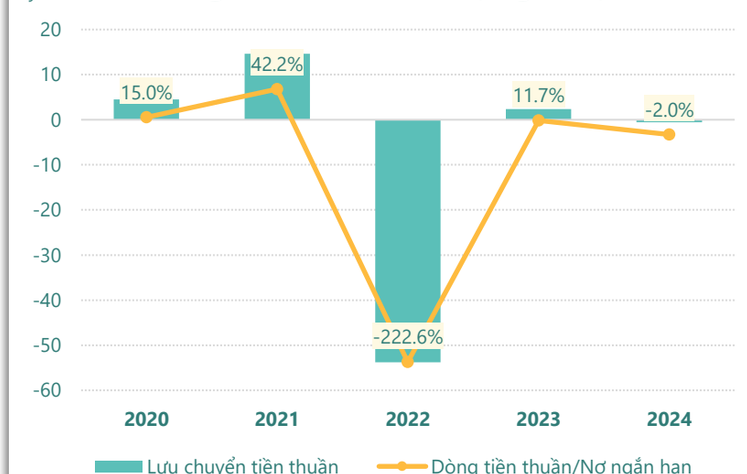
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**29.6**	**20.2**	**46.4%**	**108**	**80.4**	**34.2%**
Giá vốn hàng bán	24.6	18.1	35.8%	87.1	68.3	27.5%
Lợi nhuận gộp	4.99	2.05	143%	20.8	12.1	71.9%
Doanh thu HĐTC	4.19	0.62	575%	11.1	2.04	444%
Chi phí TC	4.00	0.53	655%	4.52	1.04	335%
Chi phí lãi vay	0.02	0.00		0.02	0.56	-96.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-0.01**	**100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.98**	**2.63**	**13.5%**	**7.14**	**11.6**	**-38.6%**
LN thuần từ HĐKD	2.19	-0.49	547%	20.2	1.45	1294%
Lợi nhuận khác	**0.13**	**-0.23**	**158%**	**0.55**	**4.17**	**-86.8%**
LN trước thuế	2.32	-0.73	418%	20.8	5.62	270%
Lợi nhuận sau thuế	**1.75**	**-0.73**	**340%**	**18.1**	**3.93**	**361%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.76**	**-0.70**	**351%**	**18.0**	**3.86**	**367%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.7	0	9.51	-36.6	-10.3	2.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.82	0	8.68	13.3	10.7	-0.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.0	0	0	-0.03	0	2.06
Tiền đầu kỳ	22.2	0	29.2	47.4	24.0	24.4
Lưu chuyển tiền thuần	**13.5**	**0**	**18.2**	**-23.4**	**0.40**	**4.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	35.7	0	47.4	24.0	24.4	28.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**248**	**223**	**11.3%**
Tài sản ngắn hạn	112	73.9	51.0%
Tiền và tương đương tiền	28.6	29.2	-1.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.1	25.1	163%
Phải thu ngắn hạn	15.6	18.5	-15.6%
Hàng tồn kho	0.03	0.01	324%
Tài sản ngắn hạn khác	1.29	1.19	8.3%
Tài sản dài hạn	**136**	**149**	**-8.4%**
Phải thu dài hạn	0.00	0.01	-62.5%
Tài sản cố định	88.3	94.5	-6.7%
Bất động sản đầu tư	23.4	23.6	-1.1%
Tài sản dở dang	3.49	0.66	427%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	27.3	-34.1%
Tài sản dài hạn khác	**3.37**	**2.81**	**19.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.8	21.1	36.7%
Nợ ngắn hạn	**28.8**	**20.1**	**43.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.06	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.54	7.28	17.3%
Nợ dài hạn	0	0.96	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**219**	**202**	**8.7%**
Vốn chủ sở hữu	**219**	**202**	**8.7%**
Vốn điều lệ	132	132	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)